TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/ HNGĐ - ST
Ngày 27- 02- 2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Bình
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Văn Lâm
2. Bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh

Thư ký phiên toà: Ông Trần Ngọc Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Vương- Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/ 2017/TLST- HNGĐ ngày 14/12/ 2017 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 22/01/2018 của Toà án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Lệ T,** sinh năm: 1988

Hộ khẩu thường trú: thôn A, xã P, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã M, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Đương sự có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Đăng T1,** sinh năm: 1985

Địa chỉ: thôn A, xã P, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi. Đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/11/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đăng T1 đăng ký kết hôn vào năm 2010, tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

Trong thời gian chung sống, chị và anh T1 thường hay cãi nhau, anh T1 nhiều lần đi uống rượu rồi về chửi và đánh đập chị. Năm 2015 và 2016 chị đã 2 lần yêu

cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng anh T1 hứa hẹn sẽ khắc phục khuyết điểm, đồng thời gia đình cha mẹ hai bên can thiệp khuyên nhủ nên chị đã rút yêu cầu khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ lại. Song, chỉ về chung sống được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn vợ chồng lại tiếp tục xảy ra, anh T1 vẫn chửi xúc phạm và đánh đập chị. Vì vậy, từ đầu năm 2017 đến nay chị đã đưa một người con về nhà cha mẹ đẻ của chị ở huyện S, tỉnh Quảng Ngãi sinh sống, chị và anh T1 không quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Đăng T1, nhưng tại phiên tòa chị và anh T1 đã tự nguyện thuận tình ly hôn nên yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị và anh T1.

Về con: Chị và anh T1 có hai người con là cháu Nguyễn Lệ Ngọc Y- sinh ngày 17/4/2011 đang ở với anh T1 và cháu Nguyễn Đăng T2- sinh ngày 22/12/2012 đang ở với chị. Nay chị và anh T1 đã thỏa thuận chị trực tiếp nuôi dưỡng hai con là cháu Nguyễn Lệ Ngọc Y và cháu Nguyễn Đăng T2, còn anh T1 cấp dưỡng nuôi hai con mỗi cháu 700.000đồng/tháng đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản: Chị và anh T1 thống nhất là không có tài sản chung, không có nợ ai và không có ai nợ của anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 19/12/2017 và tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Đăng T1 trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Lệ T kết hôn và có hai con đúng như chị Nguyễn Thị Lệ T trình bày.

Những năm gần đây vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn, cãi và đánh đập nhau. Đã 3 lần chị T ôm con bỏ nhà đi và gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, sau đó anh và chị T lại hàn gắn, đoàn tụ lại. Đến đầu năm 2017, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì chị T đã đưa một người con đi về nhà cha mẹ đẻ của chị sinh sống, vì vậy kể từ đầu năm 2017 đến nay anh và chị T đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay anh tự nguyện thuận tình ly hôn với chị T.

Về con: Anh và chị T thỏa thuận giao hai người con là cháu Nguyễn Lệ Ngọc Y- sinh ngày 17/4/2011 và cháu Nguyễn Đăng T2- sinh ngày 22/12/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi con 700.000đồng/ tháng đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản: anh và chị T không có tài sản chung, không có nợ ai và không có ai nợ của anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự là nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự là bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1; Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh T1 về việc giao hai con là cháu Nguyễn Lệ Ngọc Y- sinh ngày 17/4/2011 và cháu Nguyễn Đăng T2- sinh ngày 22/12/2012 cho chị Nguyễn Thị Lệ

T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Đăng T1 phải cấp dưỡng nuôi con mỗi con 700.000đồng/tháng; Về án phí: chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Nguyễn Đăng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, bị đơn có nơi cư trú ở huyện H, tỉnh Quảng Ngãi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Nguyễn Đăng T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 22 tháng 9 năm 2010 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 98/2010, quyển số 01/2009 là hôn nhân hợp pháp, được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Nguyễn Thị Lệ T có yêu cầu ly hôn nên Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, chị T và anh T1 đều khai trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, thường cãi và đánh đập nhau. Từ đầu năm 2017 đến nay chị T đã về nhà cha mẹ đẻ của chị ở xã M, huyện S sinh sống, nên chị T và anh T1 đã sống ly thân một năm nay, không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Theo tài liệu có tại hồ sơ thì vào năm 2015 và năm 2016 chị T đã hai lần khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện H để yêu cầu ly hôn anh T1, nhưng do chị T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Qua xác minh người thân của anh chị, đã thể hiện giữa chị T và anh T1 có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và anh T1 đánh đập chị T nhiều lần, gia đình cha mẹ cũng đã nhiều lần phải can thiệp. Như vậy, có thể thấy giữa chị T và anh T1 đã có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị T và anh T1 đã thật sự tự nguyện ly hôn, nên cần căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Nguyễn Đăng T1.

[4] Về con: Chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Nguyễn Đăng T1 đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của chị T và hai con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh T1 về việc giao cháu Nguyễn Lệ Ngọc Y - sinh ngày 17/4/2011 và cháu Nguyễn Đăng T2- sinh ngày 22/12/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 700.000đồng/ tháng tính từ tháng 3 năm 2018 đến khi cháu Nguyễn Lệ Ngọc Y và cháu Nguyễn Đăng T2 đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản: Chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Nguyễn Đăng T1 thỏa thuận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Nguyễn Đăng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Nguyễn Đăng T1.

2. Về nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Nguyễn Đăng T1 về việc giao cho chị Nguyễn Thị Lệ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con là Nguyễn Lệ Ngọc Y- sinh ngày 17/4/2011 và cháu Nguyễn Đăng T2- sinh ngày 22/12/2012; Anh Nguyễn Đăng T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lệ Ngọc Y và cháu Nguyễn Đăng T2 mỗi cháu 700.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2018 đến khi cháu Nguyễn Lệ Ngọc Y và cháu Nguyễn Đăng T2 đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở anh Nguyễn Đăng T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Nếu anh Nguyễn Đăng T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị Lệ T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Đăng T1.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Nguyễn Đăng T1 về việc không có tài sản chung và nghĩa vụ tài sản, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Lệ T phải nộp 300.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2016/0000437 ngày 14/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Đăng T1 phải nộp 300.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã P
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Trần Thị Thanh Bình